

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-PT
Ngày 14 - 4 - 2022
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Ninh

Ông Nguyễn Văn Thư

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Hà Văn Chuyên
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 07 và ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 218/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2020/QĐXXPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Huyền Tr , sinh năm 1989. (Có mặt)

Trú tại: Tổ 8, khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Vũ Văn D, sinh năm 1965. (có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: Tổ 2, khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của ông D là ông Nguyễn Đức D, sinh năm: 1974. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973. (có đơn xin vắng mặt)

2. Chị Vũ Thị Thùy Tr , sinh năm 1997. (có đơn xin vắng mặt)

3. Anh Vũ Đức Q, sinh năm 1999. (có đơn xin vắng mặt)

4. Chị Vũ Thị Thùy L, sinh năm 2001. (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 2, khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước

5. Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người tham gia tố tụng khác:

Ông Vũ Văn H, sinh năm: 1964 (có mặt)

Trú tại: Tổ 8, khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị Huyền Tr trình bày:

Năm 2011, cha mẹ chị Tr có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị Bé cho chị Tr thừa đất số **923** tờ bản đồ số 24, diện tích 888m² (ngang 20m dài 44m), đất tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00599 ngày 10/01/2011 cho hộ chị Vũ Thị Huyền Trang. Từ khi nhận chuyển nhượng, chị Tr để đất trống, không xây dựng hay trồng trọt gì trên đất. Phía đông của thửa đất giáp với thửa đất số **1082** của hộ Ông Vũ Văn D, gia đình chị Tr nhiều lần cắm mốc ranh nhưng đều bị nhổ bỏ. Năm 2018, ông D rào phần đất giáp ranh giữa đất của chị Tr và đất của ông D và lấn chiếm sang đất của chị Tr bề ngang là 1,78m. Chị Tr có nói ông D là đã sử dụng qua phần đất của mình và đề nghị ông D trả lại theo đúng giấy chứng nhận của các bên được Nhà nước cấp vì ranh giới giữa đất của chị Tr và gia đình ông D không có ranh cố định, tuy nhiên thì ông D không đồng ý. Nay chị Tr yêu cầu buộc gia đình ông D phải trả diện tích đã sử dụng qua phần đất của gia đình chị Tr là 31,7m² theo sơ đồ đo vẽ ngày 12/5/2020.

Đối với các thửa đất số **1080** sử dụng qua là 9,3m²; thửa số 1079 sử dụng qua 3,8m²; thửa số 182; thửa số 1124 theo sơ đồ đo vẽ ngày 12/5/2020 cũng có sử dụng qua phần đất của chị Tr, đối với các hộ này thì chị Tr không yêu cầu trong vụ án này.

Bị đơn Ông Vũ Văn D, người đại diện theo ủy quyền của ông D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Gia đình ông D có thửa đất số **1082**, tờ bản đồ số 24 tại khu phố 2, thị trấn Tân Khai, có một phần ranh phía tây giáp với thửa đất **923** của chị Tr. Nguồn gốc đất là gia đình ông D nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình bà Nguyễn Tuyết Nga năm **1992** và năm 1995. Tổng diện tích ban đầu là

6100m². Năm 2011, ông D chuyển nhượng một phần diện tích nêu trên nên hiện nay, thửa đất này có diện tích là 2433m². Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00884 ngày 31/5/2011 cho hộ Ông Vũ Văn D. Năm 2015, gia đình ông D đã hiến tặng một phần đất của thửa đất nêu trên để làm con đường đi chung (phần đường đi nằm giữa thửa đất, chia thửa đất trên làm 02 phần (theo kết quả đo đạc của công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ Bình Long là thửa **1082-1** và thửa **1082-2**). Diện tích đất nêu trên gia đình ông D sử dụng ổn định từ đó đến nay không ai tranh chấp gì.

Thửa 1082-1 với diện tích là 1223,7m² có mặt tây giáp một phần đất phía đông thửa đất số 923 của chị Tr . Trước đây giữa phần ranh của 02 thửa đất có 01 hàng tầm vòng nhưng hiện nay không còn nữa, chỉ có 01 trụ bê tông ngay hàng ranh là do địa chính xã cắm ở cuối thửa đất, phía trước phần đất đường đi có 01 hàng rào là do gia đình ông D xây dựng năm 2019. Trên diện tích đất các bên đang tranh chấp hiện nay gia đình ông D để trống, không trồng trọt hay xây dựng gì trên đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr thì ông D không đồng ý vì: Khi gia đình ông Hiếu mua của bà Bé thì các bên không gọi gia đình ông D ra để xác định ranh giới của 02 thửa đất. Năm 2018, chị Tr đo đất thấy thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp nên mới cho rằng gia đình nhà ông D lấn chiếm. Ông D khẳng định gia đình mình đang sử dụng đất có ranh thực tế trùng với ranh trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ranh đất giữa 02 thửa là 02 cọc bê tông ở đầu và cuối đất, điểm đầu và điểm cuối thửa 1082-1 (phần giáp đất chị Tr) tạo thành một đường thẳng và không sử dụng đất hoặc lấn chiếm đất của gia đình chị Tr .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Phạm Ngọc T trình bày:

Nguồn gốc đất là của cha mẹ chị Tr tặng cho chị Tr trước khi chị Tr kết hôn với anh Tuấn, do trong quá trình chung sống, chị Tr có đôi sổ lại thì sổ lại đứng tên hộ, trên thực tế đây là tài sản riêng của chị Tr nên không liên quan gì đến anh Tuấn, việc tranh chấp đất với ông D là do chị Tr tự quyết định, anh Tuấn không có ý kiến gì và không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Vũ Thị Thùy Tr , Anh Vũ Đức Q , Chị Vũ Thị Thùy L trình bày:

Nguồn gốc đất là của thửa 1082 là của ông Dĩ, bà Thảo nhận chuyển nhượng của người khác, gia đình đã quản lý canh tác sử dụng ổn định từ năm 1992 cho đến nay không có tranh chấp gì với ai, cũng không sử dụng qua phần đất nào của gia đình chị Tr , vì vậy trước yêu cầu của chị Tr thì chị Tr , anh Quang và chị Linh không đồng ý .

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Huyền Trang.

Buộc hộ Ông Vũ Văn D và Bà Nguyễn Thị Th trả lại cho chị Vũ Thị Huyền Tr diện tích đất 31,7m² thuộc thửa đất số 923 tờ bản đồ số 24 tại khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước với tứ cận như sau: phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 923 có cạnh dài 1,21m, phía Nam giáp đường bê tông có cạnh 1,18m, phía Đông giáp thửa đất số 1082-1 có cạnh 26,28m, phía Tây giáp phần đất của thửa đất 923 có cạnh 49,51m. (có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Ý kiến của Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Với những chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Vũ Văn D. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa Bản án sơ thẩm buộc hộ Ông Vũ Văn D và Bà Nguyễn Thị Th trả lại cho chị Vũ Thị Huyền Tr diện tích đất 18,8m² theo sơ đồ đo đạc ngày 25/5/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Ông Vũ Văn D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Th, Chị Vũ Thị Thùy Tr , Anh Vũ Đức Q , Chị Vũ Thị Thùy L , Anh Phạm Ngọc T vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung kháng cáo xét thấy:

[2.1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị đơn Ông Vũ Văn D làm trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2.2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ thể hiện:

Thửa đất số 923 tờ bản đồ số 24 với diện tích là 888m² tại KP.2, thị trấn Tân khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước đã được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số CH00599 cho hộ chị Vũ Thị Huyền Tr năm 2011 có nguồn gốc do ông Hiếu (bố chị Tr) nhận chuyển nhượng và tặng cho chị Tr . Phía đông của diện tích đất này giáp với thửa đất số 1082-1 của hộ Ông Vũ Văn D.

Thửa đất số 1082-1 là một phần diện tích đất trong thửa đất số 1082 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho của hộ Ông Vũ Văn D số CH00884 vào năm 2011 có nguồn gốc là do ông D nhận chuyển nhượng từ năm 1992 và sử dụng từ đó cho đến nay.

Theo chị Tr trình bày, do chị Tr không trực tiếp canh tác hay xây dựng gì trên diện tích đất này. Ranh giới giữa hai thửa đất của chị Tr và ông D trước đây chị có cắm cọc bê tông nhưng đã bị ông D nhổ bỏ. Tuy nhiên, lời trình bày của chị Tr không có chứng cứ để chứng minh có việc ông D nhổ bỏ cọc bê tông. Hiện chị Tr cũng không xác định được chính xác ranh giới đất của mình ở đâu nên yêu cầu Tòa xác định ranh giới đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp.

Theo trình bày của bị đơn thì diện tích nêu trên gia đình ông D sử dụng ổn định từ 1992 đến nay không có ai tranh chấp gì. Trước đây giữa phần ranh của 02 thửa đất có 01 hàng tầm vông nhưng hiện nay không còn nữa, chỉ có 01 trụ bê tông ngay hàng ranh là do địa chính xã cắm ở cuối thửa đất, phía trước phần đất đường đi có 01 hàng rào là do gia đình ông D xây dựng năm 2019. Trên diện tích đất các bên đang tranh chấp hiện nay gia đình ông D để trống, không trồng trọt hay xây dựng gì trên đất. Ông D khẳng định gia đình mình đang sử dụng đất có ranh thực tế trùng với ranh trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ranh đất giữa 02 thửa là 02 cọc bê tông ở đầu và cuối đất, ông khẳng định không lấn chiếm đất của chị Tr .

Cấp sơ thẩm căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/01/2020 thì giữa 02 thửa đất không thể hiện ranh cố định rõ ràng, như không có hàng rào ranh giới cố định giữa hai bên, không có cây lâu năm để đánh giá; phần đất tranh chấp chỉ là đất trống, cuối thửa đất của 02 thửa thì có cột mốc bê tông nên cần căn cứ vào ranh giới theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên đã được cấp được định vị trên thực địa để xác định ranh giới giữa các bên là có cơ sở khoa học, phù hợp pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm nhận định do diện tích đất của chị Tr có biến động thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr là đánh giá chưa toàn diện, khách quan. Bởi lẽ, chứng cứ thể hiện hiện trạng diện tích đất sử dụng của các bên đều thiếu so với Giấy CNQSD đất chứ không phải chỉ phía chị Tr ; hơn nữa cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả đo đạc của công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ Bình Long khi chưa được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định là chưa chuẩn xác, không đúng với quy định pháp luật (điểm 6,7 Điều 22 Thông tư số 25 của Bộ TNMT). Ngoài ra, kết quả xác minh điều tra thêm tại cấp phúc thẩm cho thấy trong thời gian xảy ra tranh chấp chị Tr và anh Nguyễn Thành Long có

thống nhất điều chỉnh biến động tăng phần đất giáp ranh ở hướng Tây đất của chị Tr .

Căn cứ vào kết quả đo đạc bản đồ địa chính tại cấp phúc thẩm ngày 25/8/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hớn Quản nhận thấy: Điểm số 6 Tọa độ góc ranh là điểm cố định (là điểm các bên thừa nhận đúng, không tranh chấp); Điểm số 11 và 12 Tọa độ góc ranh là điểm các bên đang tranh chấp. Cụ thể, chị Tr cho rằng cọc ranh ở điểm số 11; còn ông D cho rằng cọc ranh ở điểm số 12. Tuy nhiên, xét thấy cạnh từ điểm số 06, 12 và 14 Tọa độ góc ranh nằm trên cùng một đường thẳng, hoàn toàn phù hợp với sơ đồ thửa đất theo Giấy CNQSD đất số BE 348141 cấp cho hộ ông D, có cạnh phía tây giáp đất chị Tr bị đứt gãy ở điểm số 14 tọa độ góc ranh. Vì vậy, không có cơ sở để cho rằng ông D lấn chiếm đất chị Tr .

Về diện tích đất thực tế có sự chênh lệch so với diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các bên tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai để điều chỉnh biến động.

Từ những nhận định, Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông D được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Chi phí tố tụng khác và án phí dân sự sơ thẩm:

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được tính lại theo quy định của pháp luật. Cụ thể, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn chị Tr phải chịu chi phí tố tụng như chi phí xem xét thẩm định, định giá, đo đạc với số tiền là 12.000.000đồng và được khấu trừ vào số tiền 12.000.000đồng chị Tr đã nộp tạm ứng. Án phí sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Chi phí tố tụng khác và án phí dân sự phúc thẩm:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc tại cấp phúc thẩm với tổng số tiền là 8.812.000đồng số tiền này bị đơn ông D tự nguyện chịu được khấu trừ vào số tiền 8.812.000đồng ông D đã nộp tạm ứng tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông D được chấp nhận nên ông D không phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa chưa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Vũ Văn D.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Cụ thể:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 163, 168 của Bộ luật dân sự; Điều 203 của Luật đất đai; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Huyền Tr về việc buộc hộ Ông Vũ Văn D và Bà Nguyễn Thị Th trả lại cho chị Vũ Thị Huyền Tr diện tích đất 18,8 m² thuộc thửa đất số 923 tờ bản đồ số 24 tại khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước (Theo bản đồ đo đạc kèm theo).

Các đương sự có quyền tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để điều chỉnh biên động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo bản đồ đo đạc kèm theo).

[2]. Về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm:

Về chi phí tố tụng: Chị Vũ Thị Huyền Tr phải chịu chi phí thẩm định, định giá và chi phí đo đạc với số tiền 12.000.000đ, được khấu trừ vào số tiền chị Tr đã nộp tạm ứng tại Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Huyền Tr phải nộp số tiền 300.000đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng mà chị Tr đã đóng tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản theo biên lai tạm ứng án phí số 0001583 ngày 24/9/2019.

[3] Về chi phí tố tụng, án phí dân sự phúc thẩm:

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc tại cấp phúc thẩm với tổng số tiền là 8.812.000đồng số tiền này bị đơn ông D tự nguyện chịu được khấu trừ vào số tiền 8.812.000đồng ông D đã nộp tạm ứng tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Ông Vũ Văn D không phải chịu số tiền 300.000đồng, hoàn trả cho ông D số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002155 ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền của mình thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm chậm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thanh Thảo